

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DSST
Ngày: 29-04-2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa	Bà Tạ Thị Ngân
Các Hội thẩm nhân dân	Bà Nguyễn Thị Nga
	Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Tú - Thư ký TAND huyện K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thanh Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2025 Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 170/2024/TLST – DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 03 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-HPT ngày 11 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S (Viết tắt là S)

Địa chỉ: xx, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu Hiền – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Đ (theo văn bản ủy quyền số 3524 ngày 25/12/2023).

Ủy quyền lại cho: ông Phan Văn Kỷ, sinh năm 1990

Địa chỉ: 360 T, phường , quận Đ, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1992

Địa chỉ: thôn Lam Cầu, xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội

(Ông Phan Văn Kỷ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Văn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, và đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Ngân hàng S trình bày như sau:**

Ngày 19/10/2022, anh M có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Anh M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438-5952 với hạn mức sử dụng là 55.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, anh M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 589.587.380 đồng và từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Anh M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 541.960.231 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau). Ngoài ra, anh M còn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và không có thiện chí trả nợ cho phía Ngân hàng S mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc, nhắc nhở anh Lê Văn M thanh toán nợ cho ngân hàng S (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 06/06/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) đồng thời áp dụng mức lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng kể từ thời điểm quá hạn.

Tính đến ngày 29/4/2025, Anh M còn nợ ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 86.899.086 đồng, trong đó: Nợ gốc là 61.759.854 đồng, Nợ lãi quá hạn: 25.139.232 đồng

Ngân hàng đã yêu cầu anh M có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên anh M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng S đề nghị TAND huyện K giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

- Buộc anh Lê Văn M phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 86.899.086 đồng, trong đó: Nợ gốc là 61.759.854 đồng, Nợ lãi quá hạn: 25.139.232 đồng.

- Buộc anh Lê Văn M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 29/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Yêu cầu anh Lê Văn M phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn anh Lê Văn M đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh M không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không có lời khai của anh M tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay.***

**** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án như sau:***

Toà án nhân dân huyện K đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Thẩm phán đã lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với anh Lê Văn M, buộc anh M phải trả cho ngân hàng S số tiền tạm tính đến hết ngày 29/4/2025 là: 86.899.086 đồng, trong đó: Nợ gốc là 61.759.854 đồng, Nợ lãi quá hạn: 25.139.232 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh Lê Văn M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng, biểu phí thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

* Về án phí: Vụ án thụ lý ngày 24 tháng 12 năm 2024, nên về án phí cần áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng". Quá trình giải quyết vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay thể hiện anh Lê Văn M đã đề nghị cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 55.000.000 đồng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Đây là tranh chấp về dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn Lam Cầu, xã Q, huyện K, thành phố Hà Nội nên TAND huyện K thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền về loại việc, thẩm quyền về cấp Tòa án, thẩm quyền về lãnh thổ quy định tại Điều 35, 39 BLTTDS 2015.

[2]. Xét về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp hợp đồng tín dụng cụ thể đòi tài sản, buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi, yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu theo khoản 2 Điều 155 BLDS 2015 nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án thụ lý vụ án đã đảm bảo về thời hiệu.

[3]. Về sự vắng mặt của Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án nhiều lần, có thông báo đến Tòa án được niêm yết hợp lệ để thông báo cho bị đơn trình bày các vấn đề liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S nhưng phía bị đơn anh Lê Văn M không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, Bị đơn đã từ bỏ quyền và không chấp hành nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[4]. Xét về người tham gia tố tụng: Xét thấy việc ông Lê Văn Mai và bà Lê Thị Hợi là bố mẹ anh M, chị Dương Thị Thúy Hằng là vợ của M được kê khai và có thông tin trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/10/2022 do anh M tự khai trong giấy đề nghị nhưng ông Lê Văn Mai, bà Lê Thị Hợi, chị Dương Thị Thúy Hằng không ký vào giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng tín dụng này, không biết gì đến việc ký kết vay tiêu dùng cá nhân giữa anh M với Ngân hàng S. Do vậy, ông Lê Văn Mai, bà Lê Thị Hợi, chị Dương Thị Thúy Hằng không liên quan đến việc vay nợ của anh Lê Văn M. Do đó TAND huyện K không đưa ông Lê Văn Mai, bà Lê Thị Hợi, chị Dương Thị Thúy Hằng vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn

[5]. Về việc ký kết hợp đồng: Ngày 17/10/2022, anh M có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của anh M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 436438- 5952 với hạn mức sử dụng là 55.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn và Lãi suất quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Anh Lê Văn M đã hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung được xác nhận tại điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng S khi mà anh M đã ký vào giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng tín dụng. Do vậy, ngày 17/10/2022, ngân hàng S đã ký xác nhận về việc đồng ý phát hành thẻ tín dụng cho anh Lê Văn M là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Người tham gia ký kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách

hàng (Ban hành theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Về nội dung của hợp đồng: Các điều khoản của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực đối với các bên về quyền, nghĩa vụ và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[7] Về việc thực hiện hợp đồng của các bên: Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi các bên ký kết hợp đồng tín dụng, anh M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 589.587.380 đồng. Anh M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 541.960.231 đồng. Hai bên không có thắc mắc gì về các nội dung và điều khoản của Hợp đồng cũng như việc giải ngân số tiền vay. Anh M đã nhận đủ số tiền vay nhưng đã không thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng S là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng hai bên đã giao kết. Vì vậy, Ngân hàng S khởi kiện yêu cầu buộc anh M phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

Nguyên đơn đã giao nộp căn cứ chứng minh là bảng kê chi tiết nợ gốc, lãi theo lịch trình trả nợ tại hợp đồng tín dụng đã ký kết của Bị đơn.

Xét các chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp phù hợp với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S nên căn cứ khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 6 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc buộc Bị đơn anh Lê Văn M phải thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 29/4/2025 là: 86.899.086 đồng, trong đó: Nợ gốc là 61.759.854 đồng, Nợ lãi quá hạn: 25.139.232 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích và đánh giá ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S, buộc anh Lê Văn M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền còn nợ (*tạm tính đến hết ngày 29/4/2025*) là 86.899.086 đồng, trong đó: Nợ gốc là 61.759.854 đồng, Nợ lãi quá hạn: 25.139.232 đồng.

[8]. Xét quan điểm và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Cụ thể anh Lê Văn M phải chịu án phí sơ thẩm là: 4.345.000 (*bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 46, Điều 117; Điều 119; khoản 2 Điều 155, Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông Tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Thông tư số 27/2017/TT-NHNN ngày 31/12/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2013/TT-NHNN ngày 28/01/2013.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với anh Lê Văn M về việc thanh toán nợ gốc lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 17/10/2022 ký giữa ngân hàng S với anh Lê Văn M.

2. Buộc anh Lê Văn M phải trả cho Ngân hàng S (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S) tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2025 là 86.899.086 (*Tám mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn không trăm tám mươi sáu*) đồng, trong đó: Nợ gốc là: 61.759.854 đồng, Nợ lãi quá hạn: 25.139.232 đồng.

3. Buộc anh Lê Văn M phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa trả sau ngày 29/4/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/10/2022 của anh Lê Văn M và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín) cho đến khi anh Lê Văn M thanh toán hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng S.

4. Về án phí

Anh Lê Văn M phải chịu 4.345.000 (*bốn triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng S 1.700.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà Ngân hàng S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số ký hiệu BLTU/23, số biên lai: 0065548 ngày 01/11/2024.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho Ngân hàng S và anh Lê Văn M vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Tạ Thị Ngân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND h. K;
- Chi cục THADS h. K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ngân